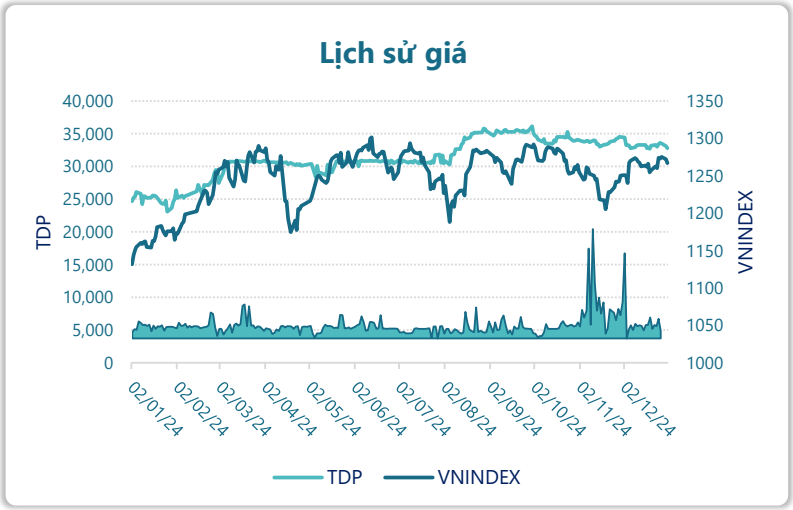
FireAnt

CTCP Thuận Đức (HSX: TDP)



Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**32,800**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	36,150
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	23,091
SL cổ phiếu LH	88,222,250
KLGD BQ 20 phiên (CP)	96,365
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,894
P/E	28.7
EPS	1,141

DT thuần

Q4/24

1,132

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 73.0| 6.9%

YoY: ▼3.00| -0.3%

LN sau thuế

Q4/24

19.8

tỷ VNĐ

QoQ: ▼11.9| -37.7%

YoY: ▲ 1.70| 9.2%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

7.5%

+/- YoY: ▼ 0.1%

DT thuần

2024

4,295

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 475| 12.4%

LN sau thuế

2024

101

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 58.7| 138%

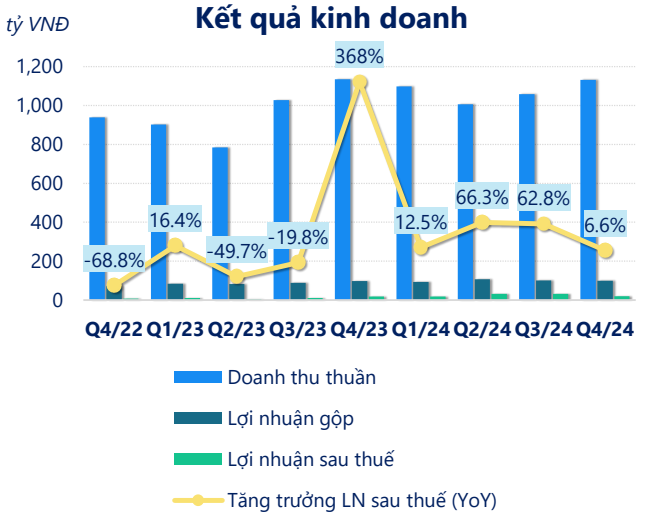
ROE

2024

10.7%

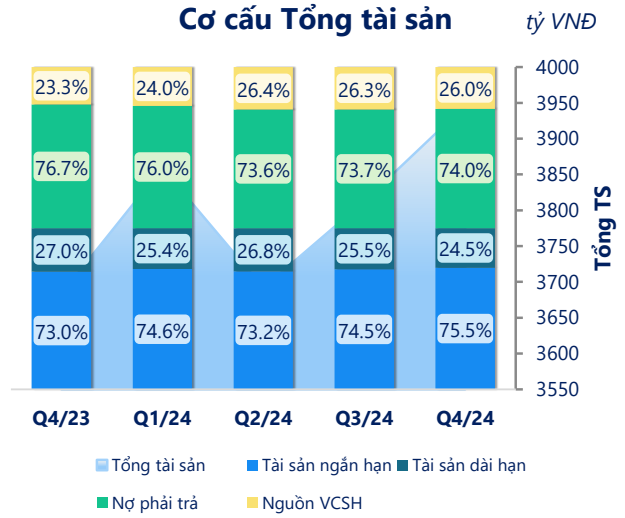
+/- YoY: ▲ 5.6%

Kết quả kinh doanh



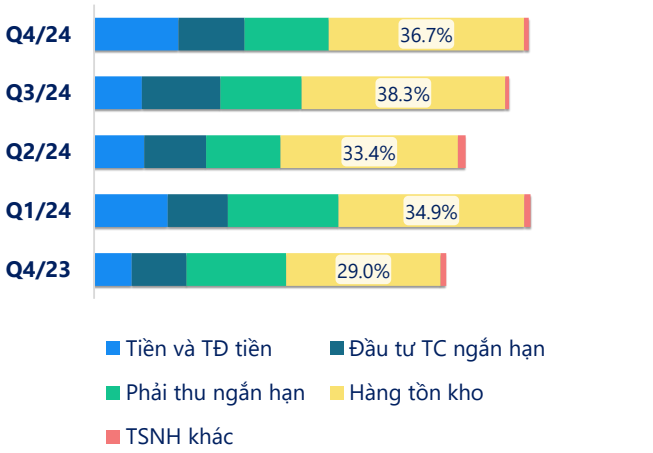
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



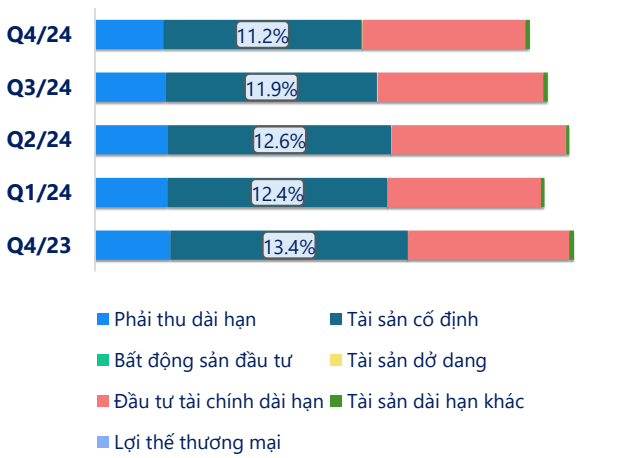
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



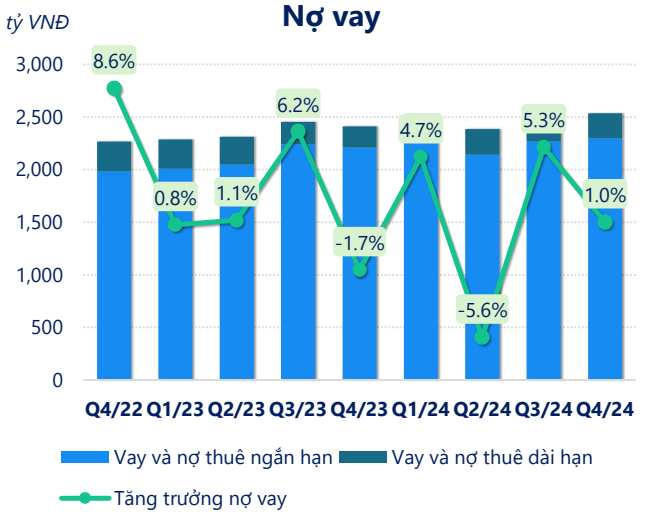
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



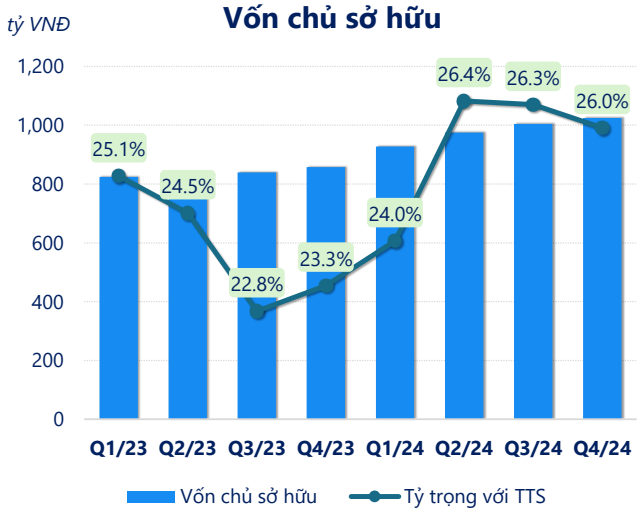
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



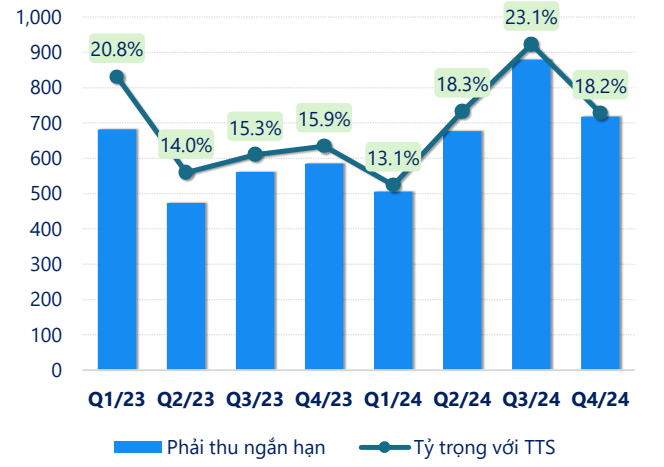
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



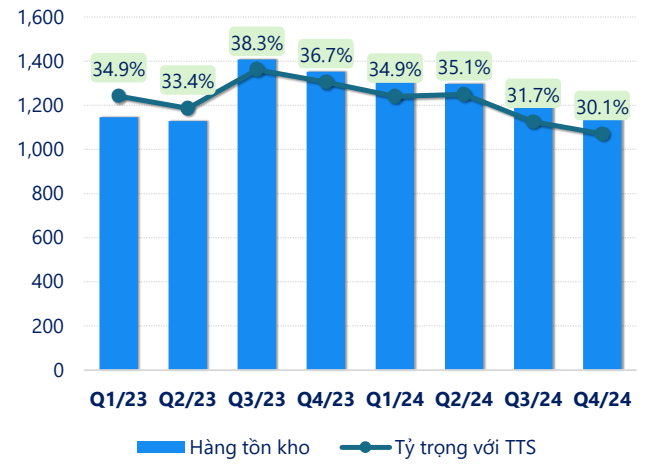
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



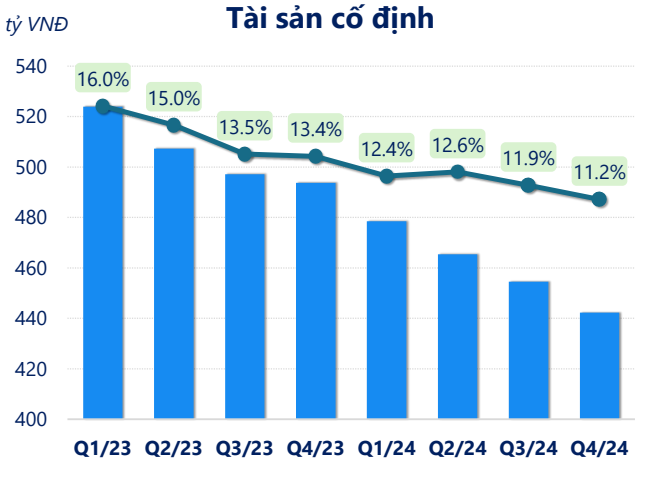
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



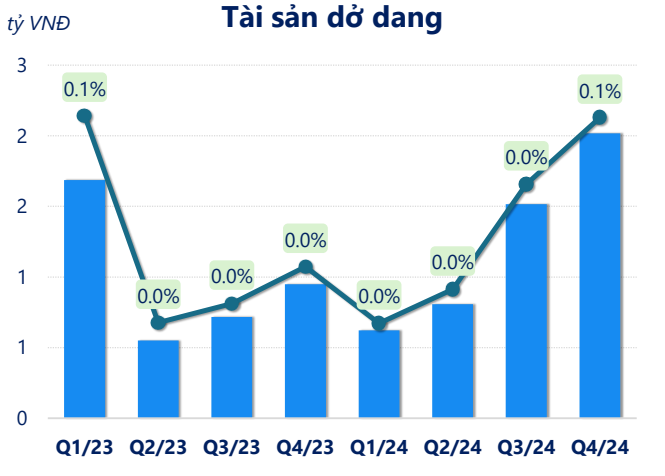
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



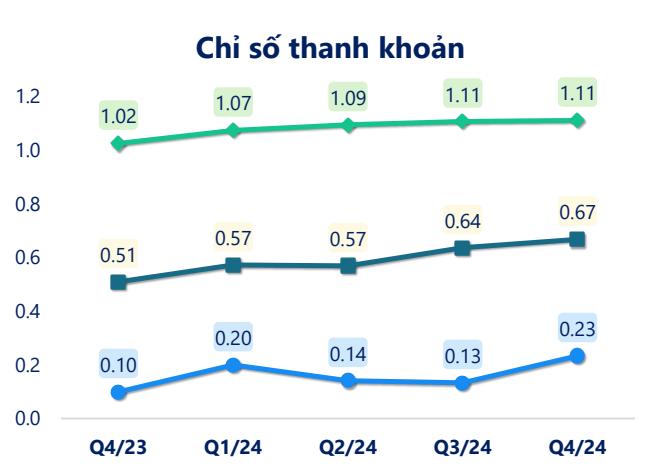
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



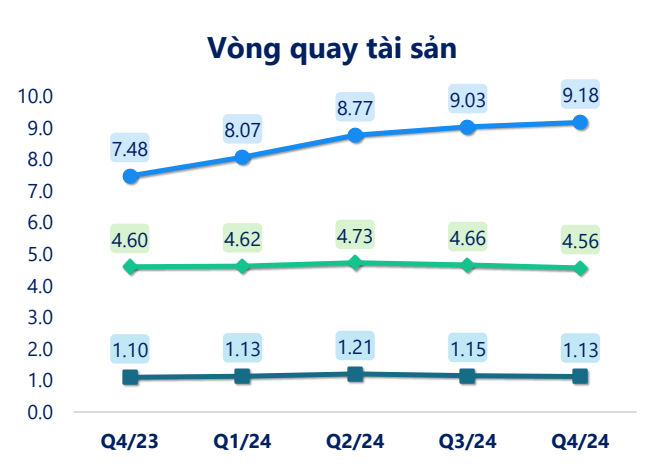
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	**3,683**	**3,859**	**3,692**	**3,813**	**3,946**
Tài sản ngắn hạn	**2,688**	**2,880**	**2,704**	**2,839**	**2,978**
Tiền và tương đương tiền	260	534	347	341	626
Đầu tư tài chính ngắn hạn	457	458	356	383	411
Phải thu ngắn hạn	584	505	677	879	718
Hàng tồn kho	1,353	1,346	1,298	1,207	1,188
Tài sản ngắn hạn khác	33.6	37.0	25.8	27.6	34.2
Tài sản dài hạn	**995**	**979**	**988**	**974**	**968**
Phải thu dài hạn	157	158	152	152	152
Tài sản cố định	494	479	465	455	442
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.95	0.62	0.81	1.52	2.02
Đầu tư tài chính dài hạn	335	334	363	356	362
Tài sản dài hạn khác	9.73	7.90	6.57	9.36	9.53
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**2,826**	**2,932**	**2,717**	**2,808**	**2,922**
Nợ ngắn hạn	**2,622**	**2,683**	**2,472**	**2,565**	**2,681**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	2,210	2,278	2,143	2,270	2,296
Phải trả người bán ngắn hạn	284	309	237	206	272
Nợ dài hạn	204	249	245	243	241
Vay và nợ thuê dài hạn	201	247	242	241	239
Nguồn vốn chủ sở hữu	**857**	**927**	**975**	**1,005**	**1,024**
Vốn chủ sở hữu	**857**	**927**	**975**	**1,005**	**1,024**
Vốn điều lệ	755	791	802	882	882
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)